

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 02-5-2019

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hồ Lân

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Xuân

2. Ông Trọng Văn Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019; Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/DSST ngày 28 tháng 03 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-DS, ngày 18/03/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 43A/2019/QĐST-DS, ngày 03/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Cao Thị O**; sinh năm 1960; ông **Nguyễn Duy T**; sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Đội 4, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Đồng bị đơn: Bà **Đinh Thị N**; sinh năm 1974; ông **Lê Quang D**; sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn bà O; ông T trình bày: Vào ngày 12/9/2016, vợ chồng bà O và ông T có cho vợ chồng bà N và ông D vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); việc cho vay tiền có lập giấy tay vào ngày 12/9/2016, được vợ chồng bà N và ông D ký tên xác nhận nợ. Thời hạn vay là 06 tháng; lãi suất thỏa thuận 2% tháng.

Sau khi vay vợ chồng bà N có trả được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền lãi, đến tháng 10/2017 thì ngưng không trả lãi; số tiền nợ gốc bà N và ông D cũng không thanh toán lại cho vợ chồng bà O.

Trước Tòa án vợ chồng bà O, ông T yêu cầu Tòa án xét xử buộc vợ chồng bà N, ông D phải trả số tiền nợ 660.000.000đ (sáu trăm sáu mươi triệu đồng); trong đó 600.000.000đ vốn gốc, 60.000.000đ là tiền lãi tính từ ngày 30/10/2017 đến ngày 31/3/2018; và tiếp tục tính lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai đề ngày 31/5/2018, bị đơn bà Đinh Thị N trình bày: Vợ chồng bà N, ông D có vay của anh chị T số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) từ năm 2011 để về chăn nuôi heo, hàng tháng vợ chồng bà N đều đóng tiền lãi đầy đủ cho vợ chồng anh T, do mấy tháng gần đây heo bị chết việc làm ăn bị thua lỗ, bà N không có tiền để đóng tiền lời cho anh T, nên anh T đã khởi kiện bà N.

Bị đơn ông Lê Quang D (chồng bà N) không chấp hành pháp luật không đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử tạm hoãn phiên tòa để điều tra, thu thập bổ sung chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 01/6/2018, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho vợ chồng bà Đinh Thị N, ông Lê Quang D, (bà N là vợ nhận thay); ngày 12/6/2018, Tòa án tổng đạt giấy triệu tập số 03/GTT cho vợ chồng bà N, ông D; ngày 11/9/2018 Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho vợ chồng bà N, ông D; Ngày 20/9/2018, Tòa án tổng đạt thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; ngày 12/12/2018 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo giao nộp chứng cứ số 01/TB-TA; ngày 28/12/2018 tòa án niêm yết thông báo hòa giải lần 2; nhưng bà, ông D không chấp hành pháp luật không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Cao Thị O.

Ngày 18/3/2019; Tòa án tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS; tại nhà của bà N, ông D và tại ấp ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T,

thông báo thời gian mở phiên Tòa vào lúc 08 giờ ngày 03/4/2019; vợ chồng bà N, ông D vắng mặt không có lý do, hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 04/4/2019; Tòa án tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa số 43A/2019/QĐST-DS; ngày 03/4/2019; tại số nhà ấp, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thông báo thời gian mở lại phiên Tòa vào lúc 08 giờ ngày 02/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, nhưng vợ chồng bà N, ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xử vắng mặt bị đơn

[2]. Về thẩm quyền: Bị đơn bà Đ, ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3]. Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tờ giấy tay vay tiền lập ngày 12/9/2016, hội đồng xét xử nhận định

Ngày 12/9/2016, vợ chồng ông T, bà O có cho vợ chồng bà N, ông D vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, việc vay tiền được vợ chồng bà N, ông D ký tên xác nhận.

Đến hạn trả nợ bà N, ông D không trả tiền gốc, tiền lãi cho vợ chồng ông T, dẫn đến tranh chấp.

Tại bản tự khai và đơn cầu cứu cùng đề ngày 31/5/2018; bị đơn bà Đinh Thị N khai nhận: Vợ chồng bà có vay của anh chị T số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) từ năm 2011, để làm vốn chăn nuôi heo, do heo chết, bị thua lỗ nên chưa có tiền trả cho anh chị T. Về tiền lãi bà N khai trả lãi đầy đủ. Việc bà N khai số tiền nợ 600.000.000đ vay vào năm 2011, nhưng bà N không xuất trình được giấy vay tiền vào năm 2011, nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà N, ông D không chấp hành pháp luật không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn vợ chồng ông T, bà O. Do đó hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là tờ giấy tay cho vay tiền lập ngày 12/9/2016 do nguyên đơn nộp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời khai nhận của bị đơn bà N có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà N có vay số tiền 600.000.000đ và chưa trả số tiền nêu trên cho vợ chồng ông T là đúng sự thật. Vì vậy cần xử buộc vợ chồng bà N, ông D phải phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 600.000.000đ cho vợ chồng ông T.

[4]. Về lãi suất: Qua các bản khai và tại phiên Tòa nguyên đơn vợ chồng ông T khai, lãi suất cho bà N, ông D vay là 2% (tháng 12.000.000đ) sau khi vay bà N có trả được 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền lãi, rồi ngưng không trả lãi tiếp.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2018; bị đơn bà N khai sau khi vay tiền bà N trả lãi đầy đủ, nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ giấy tờ về số tiền lãi đã trả cho vợ chồng ông T nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh tiền lãi. Vì vậy căn cứ vào sự khai nhận của nguyên đơn về số tiền lãi đã nhận là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh.

[4.1]. Thời điểm vợ chồng ông T, bà O cho vợ chồng bà N, ông D vay tiền là ngày 12/9/2016. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Tối cao ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, để tính đối với hợp đồng vay tài sản khi có tranh chấp xảy ra. Do đó áp dụng điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để điều chỉnh lại mức lãi suất cho vay, cụ thể.

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, mức lãi suất cơ bản cho vay là 9%/năm; như vậy mức lãi suất 01 tháng là 0.75%.

Đối chiếu với mức lãi suất vợ chồng ông T cho vợ chồng bà N vay tháng là 2% vượt quá quy định cần điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc tính lãi cụ thể như sau:

Ngày 12/9/2016 đến ngày 12/4/2017 (06 tháng vay) mức lãi suất là:

$$600.000.000đ \times 0.75\% \times 06 \text{ tháng} = 27.000.000đ.$$

Tiền lãi vợ chồng ông T đã nhận được là 50.000.000 đ – 27.000.000đ = 23.000.000đ ; số tiền lãi dư được trừ vào vốn gốc:

$$600.000.000đ - 23.000.000đ = 577.000.000đ \text{ (năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng).}$$

[4.2] Từ ngày 12/4/2017 đến ngày 02/5/2019. Lãi suất quá hạn được tính theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015, mức lãi suất cho vay là 20%/năm; lãi suất 01 tháng 1.66%/tháng $\times 150\%$ (quá hạn) = 2.49%/tháng.

Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng và thời gian tính lãi từ 30/10/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, xét đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

$$577.000.000đ \times 2\% \times 18 \text{ tháng} = 207.720.000đ$$

Cộng vốn gốc và tiền lãi:

$$577.000.000đ + 207.720.000đ = 784.720.000đ \text{ (bảy trăm tám mươi tư triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng)}$$

Cần buộc vợ chồng bà N, ông D có nghĩa trả cho vợ chồng ông T, bà O số tiền 784.720.000đ (bảy trăm tám mươi tư triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Vợ chồng bà N phải nộp án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; ngày 30/12/2016

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị O, ông Nguyễn Duy T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Đinh Thị N, ông Lê Quang D.

Buộc vợ chồng bà Đinh Thị N, ông Lê Quang D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cao Thị O, ông Nguyễn Duy T số tiền 784.720.000đ (bảy trăm tám mươi tư triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng); trong đó vốn gốc là 577.000.000đ; tiền lãi 207.720.000đ

Về án phí: Vợ chồng bà N, ông D phải nộp 35.388.800đ (ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng bà O, ông T 15.200.000đ (mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008589 ngày 28/03/2018, tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Lưu Hồ Lân

